TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 02/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên

2. Ông Giàng Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Chúng Minh Duẩn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Ấu Bá Lãng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST - HS ngày 18/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Chu Văn T*(Tên gọi khác: Chu Văn C)*, sinh ngày 22/02/1995, tại huyện H, tỉnh T. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn Thác Đ, xã M, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn C1, sinh năm 1970 và bà Tướng Thị V, sinh năm 1974; vợ, con: Chưa có; chị em ruột: Có 02 chị em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình.

Tiền sự; Không

Tiền án: Có 02 tiền án.

+ Tại bản án số 10/HSST/2016 ngày 18/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt Chu Văn T 07 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản".

+ Tại bản án số 19/HSST/2017 ngày 03/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang áp dụng khoản 1 Điều 138, đoạn 1

đoạn 2 điểm p, đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt Chu Văn T 06 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản".

Ngày bị bắt 11/11/2017. "Có mặt ".

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Đức P, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện B, tỉnh H. "Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/5/2017, Chu Văn T chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương. Khoảng 07 giờ sáng ngày 11/11/2017, T đi bộ một mình từ nhà ra khu vực bến đò thuộc thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang, mục đích đón xe khách để đi lên tỉnh Hà Giang tìm việc làm, khi đi T đem theo số tiền 30.000 đồng và đã trả hết tiền vé xe. Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi đến khu vực thôn An Tiến, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, T xuống xe để tìm việc làm, khi đi qua quán bán hàng tạp hóa nông cụ sản xuất của gia đình anh Nguyễn Đức P, sinh năm 1972, trú tại thôn A, xã H, huyện B, T thấy ở tầng một không có người trông coi quán nên đi vào bên trong mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi vào trong nhà, T phát hiện thấy tại vị trí đầu kệ phía trong giá giữa *(tầng một có 03 giá để hàng)* có để 01 hộp sắt (dạng hòm sắt) kích thước dài 30cm x rộng 20cm x cao 09 cm, thấy hộp sắt không khóa, nghĩ bên trong có đựng tiền nên T đi đến mở hộp sắt ra lấy được 01 tập tiền có nhiều loại mệnh giá khác nhau, T cầm tập tiền cho vào túi quần phía sau bên phải đang mặc trên người và đóng nắp hộp sắt lại thì bị anh P phát hiện, bắt quả tang. Ngay sau đó anh P đã gọi điện báo cho Công an xã Hùng An, huyện Bắc Quang đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng toàn bộ tang vật gồm: 01 tập tiền *(có các mệnh giá khách nhau)* tổng số 571.000 đồng *(năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng).*

Ngày 15/11/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang có Quyết đinh trưng cầu giám định 54 (Năm mươi tư) tờ tiền Việt Nam có các mệnh giá khác nhau, tổng cộng là 571.000^{đ} *(Năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng)* gồm:

+ 04 (bốn) tờ tiền Polime mệnh giá 50.000^{đ};

+ 04 (bốn) tờ tiền Polime mệnh giá 20.000^{đ};

+ 20 (hai mươi) tờ tiền Polime mệnh giá 10.000^{đ};

+ 15 (mười lăm) tờ tiền giấy cotton mệnh giá 5.000^{đ};

+ 05 (năm) tờ tiền giấy cotton mệnh giá 2.000^{đ};

+ 06 (sáu) tờ tiền giấy cotton mệnh giá 1.000^{đ}.

(có mệnh giá tiền và số seri như trong quyết định trưng cầu)

Tại kết luận giám định số 01/KL – PC 54 ngày 20/11/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Toàn bộ số tiền gửi giám định đều là tiền thật *(Có bảng kê mệnh giá tiền và số seri kèm theo)*.

Tại Bản cáo trạng số 03/QĐ - KSĐT ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố bị cáo Chu Văn T về "Tội trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo Chu Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và xin được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị hại là anh Nguyễn Đức P khai về thời gian, địa điểm, đặc điểm tài sản bị mất đúng như nội dung bản cáo trạng. Quá trình điều tra, anh P đã lấy lại được tài sản bị mất nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Chu Văn T phạm Tội trộm cắp tài sản; áp dụng khoản 1 Điều 138, đoạn 2 điểm g, đoạn 1 điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Chu Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Quang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, người bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa bị hại vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Hành vi phạm tội của Chu Văn T xảy ra trước thời điểm BLHS năm 2015 có hiệu lực pháp luật mà sau thời điểm BLHS năm 2015 có hiệu lực mới xét xử, Tòa án áp dụng điều luật đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm mà hành vi phạm tội được thực hiện là Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Chu Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát

nhân dân huyện Bắc Quang, bị cáo khai nhận: Khoảng 07 giờ sáng ngày 11/11/2017 bị cáo T đã lén lút lấy được 571.000 đồng tiền mặt của anh P để trong hộp sắt tại quán bán hàng của anh Nguyễn Đức P thuộc thôn A, xã H, huyện B nhưng trước đó bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận giám định. Như vậy, có đủ cơ sở để HĐXX kết luận bị cáo Chu Văn T phạm Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hành vi phạm tội của bị cáo Chu Văn T như nêu trên đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo Chu Văn T không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo chỉ bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ theo đoạn 2 điểm g, đoạn 1 điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự là phạm tội nhưng gây thiệt hại chưa lớn, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo.

Xét về nhân thân bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi do mình thực hiện nhưng vì muốn có tiền tiêu sài cá nhân mà bị cáo cố ý thực hiện. Bản thân bị cáo vừa chấp hành xong hình phạt tù của các bản án trước vào ngày 25/5/2017 nhưng bị cáo không coi đó là bài học để sửa chữa sai lầm mà ngay sau khi ra tù bị cáo tiếp tục tìm sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của họ, cho thấy bị cáo bị cáo là người khó giáo dục, có thái độ coi thường pháp luật. Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, HĐXX xét thấy cần cách ly bị cáo Chu Văn T ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định đủ để răn đe giáo dục bị cáo trở thành một người công dân sống có ích cho xã hội và cũng để phòng ngừa chung.

[3] *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại đã lấy lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] *Về án phí:* Bị cáo Chu Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138, đoạn 2 điểm g, đoạn 1 điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015 của Quốc hội, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Chu Văn T*(Tên gọi khác: Chu Văn C)* phạm Tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Chu Văn T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị bắt tạm giam (Ngày 11/11/2017). Tiếp tục tạm giam bị cáo Chu Văn T 45 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 02/02/2018).

Về án phí: Buộc bị cáo Chu Văn T phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang(GĐ);
- VKSND huyện Bắc Quang(GS);
- Những người tham gia tố tụng(TH);
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang(TH)
- Cơ quan Công an huyện(TH);
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Hồng